

MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THÚ I Ở MIỀN NAM NƯỚC TA

TRINH VĂN THỊNH — PHẠM QUÂN

Công tác thú i là một loại hoạt động khoa học kĩ thuật nhằm phòng, trị dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe gia súc — điều kiện cần thiết để tăng năng suất và phát triển chăn nuôi. Công tác đó phải được đặt ra và giải quyết trên cơ sở nghiên cứu tình hình chăn nuôi và tình hình dịch bệnh gia súc, dựa vào trình độ khoa học kĩ thuật thú i và những cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ cho công việc phòng, trừ dịch bệnh.

Tình hình chăn nuôi và tình hình dịch bệnh gia súc ở miền Nam chưa được nghiên cứu kĩ. Những thống kê dịch bệnh gia súc trước ngày giải phóng thường thiếu và có những điểm chưa đủ tin cậy. Quy luật dịch bệnh gia súc phải được xác định trên cơ sở những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, trình độ kĩ thuật chăn nuôi trong quần chúng, tổ chức và hiệu quả của công tác thú i... Những điều kiện này ở miền Nam chưa được hiểu rõ hoặc chưa được nhận định và vận dụng đầy đủ. Sau này, chắc chắn ngành chăn nuôi ở miền Nam nước ta sẽ được phát triển mạnh mẽ. Tình hình đó sẽ ảnh hưởng lớn đến công tác thú i, đến phương hướng nhiệm vụ của công tác thú i. Và những biện pháp phòng trừ dịch bệnh gia súc phải được dự tính để công tác thú i đi trước một bước phục vụ thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi. Những dự báo về kế hoạch này chưa được thật cụ thể.

Trong bài này, chúng tôi nêu một số yêu cầu hiện nay đối với công tác thú i ở miền Nam ta làm tài liệu tham khảo cho việc quyết định những mục tiêu và phương hướng của công tác này trong phạm vi cả nước.

1. Về tình hình dịch bệnh gia súc ở miền Nam.

Theo những số liệu thống kê mà chúng tôi thu thập được, có thể đánh giá những dịch bệnh gia súc phổ biến nhất ở miền Nam là :

- Bệnh dại ở người và gia súc ;
- Bệnh dịch tả, tụ huyết trùng, nhiệt thán, ung khí thán, sốt lở mồm long móng đối với trâu bò và các con vật loài nhai lại ;
- Bệnh dịch tả, thương hàn, tụ huyết trùng đối với lợn ;
- Bệnh Niucatson, tụ huyết trùng và bệnh đậu đối với gà ;
- Bệnh tiên mao trùng, tụ thur đối với ngựa.

Theo nhận xét của Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc Sài-gòn, hằng năm miền Nam bị thiệt hại 33% số lợn và 75% số gà ở nhiều vùng vì dịch bệnh ; sự thiệt hại nói chung khoảng 50 triệu đô-la Mĩ.

Tình hình các bệnh truyền nhiễm (dịch) trong 4 năm gần đây nhất, thấy như sau :

Năm 1971, phát hiện 343 trường hợp dịch tả trâu bò, với số chết là 51 con, trong 13 ổ dịch ở các tỉnh Phú-yên, Plây-cu, Bình-định, Khánh-hòa. Phát hiện 36 trường hợp tụ huyết trùng trâu bò, với số chết là 24 con, trong 6 ổ dịch ở Kiến-tường, Gia-định, Bình-thuận, Phước-long, Plây-cu. Phát hiện 319 trường hợp sốt lở mồm long móng trâu bò, với số chết là 17 con, trong 10 ổ dịch ở Plây-cu, Bình-định, Vĩnh-tường. Phát hiện 5 trường hợp nhiệt thán ở Khánh-hòa. Phát hiện 105 trường hợp dại ở Sài-gòn, Khánh-hòa, Thừa-thiên, Tây-ninh, Định-tường (Gò-công), Ba-xuyên, An-xuyên, Đắc-lắc, Biên-hòa.

Năm 1972, phát hiện 25 trường hợp dịch tả trâu bò ở Cam-ranh; 30 trường hợp tụ huyết trùng trâu bò ở Kiến-giang, Bình-tuy; 88 trường hợp sốt lở mồm long móng trâu bò ở Phước-tuy, Phước-long; 131 trường hợp dại ở Thừa-thiên, Sài-gòn, Phong-định, Khánh-hòa, Phước-tuy, Gò-công, Kiến-giang, Đắc-lắc, Vĩnh-long, Cam-ranh, Tây-ninh, Sa-đéc, Bình-định, Bình-tuy; 10 trường hợp khí ung thán ở Phú-bồn.

Năm 1973, phát hiện 5 trường hợp dịch tả trâu bò ở Long-an; 30 trường hợp tụ huyết trùng trâu bò ở Biên-hòa; 145 trường hợp sốt lở mồm long móng trâu bò ở Phú-yên, Lâm-đồng; 161 trường hợp dại ở Khánh-hòa, Sài-gòn, Ba-xuyên, Bình-dương, Gò-công, Chương-thiện, Long-an, Biên-hòa, Phú-yên, Định-tường, Bình-định, Lâm-đồng.

Năm 1974, phát hiện 70 trường hợp dịch tả trâu bò ở Bình-thuận; 159 trường hợp sốt lở mồm long móng trâu bò ở Phú-yên, Long-an; 100 trường hợp dại ở Sài-gòn, Phú-yên, Gò-công, Khánh-hòa, Cam-ranh, Ninh-thuận, Long-an, Tây-ninh, Bình-thuận, Quảng-nam.

(Không có báo cáo về các ổ dịch lợn và gia cầm).

Về tỉ lệ số chết so với số ốm, bệnh dịch tả trâu bò: năm 1971 là 51/343, năm 1972 — 20/25, năm 1973 — 5/5, năm 1974 — 32/70; bệnh tụ huyết trùng trâu bò: năm 1971 là 24/36, năm 1972 — 12/30; bệnh sốt lở mồm long móng: năm 1971 là 17/319, năm 1973 — 5/145, năm 1974 — 0/159.

Về các bệnh khác, có những điểm đáng chú ý như sau:

a) Bệnh lợn đóng dấu hiếm thấy và ít lây lan: chỉ có một trường hợp năm 1957 và một trường hợp năm 1958.

b) Bệnh melioidoz ở lợn (thường gọi là bệnh giả tị thư, do vi khuẩn Whitmore) gây ra. Ngoài những triệu chứng chung (ủ rũ, sốt, khó thở) thì bệnh tích đặc biệt là những apxe ở lá lách, gan và phổi. Bệnh truyền cho bò, cừu, dê, loại gặm nhấm và cả người.

c) Bệnh sốt lở mồm long móng, trong những năm 60, bệnh này có khuynh hướng lan rộng ở miền Nam, làm trở ngại cho công việc canh tác, nay đã tiêm phòng bằng một vắc xin nhập từ châu Âu chế tạo với typ A được coi là phổ biến ở châu Á. Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lý gia súc xác định typ virus gây bệnh ở miền Nam là typ O. Ở miền Nam, bệnh chỉ gây những bệnh tích cục bộ, chỉ cần sát trùng các vết thương và dùng kháng sinh là có thể chữa khỏi bệnh trong vòng từ 10 đến 15 ngày.

d) Bệnh bạch li gà, xuất hiện cùng với việc nhập nội gà con. Viện quốc gia Vi trùng học

và bệnh lý gia súc đã chế tạo được một vắc xin nguyên để chẩn đoán (phương pháp chẩn đoán trên phiến kính). Các cơ sở chăn nuôi có bệnh phải kiểm tra ít nhất mỗi năm ba lần để loại tất cả những con mang trùng, và sau mỗi đợt ấp trứng, tất cả nhà cửa, dụng cụ đều phải tiêu độc.

e) Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lý gia súc đã phân li từ một bệnh phẩm của trâu, vi khuẩn *Chromobacterium violaceum* mà đặc điểm là tiết ra một sắc tố màu tím trong môi trường. Vi khuẩn có tính độc mạnh, gây apxe ở phổi, gan, lá lách và có khả năng truyền sang người.

f) Các bệnh thương hàn và phó thương hàn của lợn, đã tìm thấy nhiều loài *Salmonella* ở gia súc, bò sát, trứng gà vịt, thịt, bột cá, bột trứng và ở người. Đã phát hiện một số lớn *Salmonella* ở gia súc có thể gây ở người các bệnh phó thương hàn hoặc trứng độc do thức ăn. Các typ *Salmonella* gây bệnh ở châu Á khác với châu Âu; và ngay ở Việt-nam, những typ thường thấy ở Hà-nội lại ít thấy hoặc không có ở Sài-gòn và ngược lại. Do đó phải đặc biệt chú trọng: vệ sinh chăn nuôi, vệ sinh thực phẩm và phải chế tạo các vắc xin với những typ vi khuẩn địa phương.

g) Cũng theo kết quả chẩn đoán nhiều năm ở Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lý gia súc, các kí sinh trùng thường thấy là:

— Lê dạng trùng, tiên mao trùng, sán lá gan ở bò và trâu.

— Giun xoắn, bào tử trùng ở thịt lợn.

— Cầu trùng ở gia cầm.

— Giun đũa ở lợn và gia cầm.

2. Về các loại thuốc thú y chính đã được chế tạo và sử dụng.

Theo những báo cáo của viện Pasteur Nha-trang và Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lý gia súc ở Sài-gòn thì việc chế tạo và sử dụng các vắc xin và huyết thanh thú y có một số đặc điểm sau đây:

a) *Vắc xin dịch tả trâu bò*. Sau một thời gian dài chế vắc xin phủ tạng keo phèn, saponin, v.v... từ năm 1954 đã nhập đồng virus thổ hóa Nakamura III để chế vắc xin đặt tên là vắc xin L. Lúc đầu chế vắc xin tươi, về sau chế vắc xin đông khô. Kết quả thí nghiệm cho biết: vắc xin tạo được miễn dịch kéo dài 3—4 năm, vắc xin có thể dùng ngay tại ổ dịch. Vắc xin L đông khô giữ ở 37°C sau 5 ngày đã yếu đi, giữ ở 4°C sau 10 ngày, giữ ở 0°C sau 50 ngày bắt đầu yếu đi. Nếu giữ ở —14 đến —17°C (nước đá và muối) thì được trên hai tháng.

Ngoài ra, các Viện này còn chế vắc xin dịch tả trâu bò LAL là vắc xin L được truyền qua thai trứng rồi truyền trở lại qua thỏ. Vắc xin LAL giảm độc hơn vắc xin L, dùng cho những giống trâu bò ở những vùng quá nhạy cảm với vắc xin L; giá trị gây miễn dịch tương đương.

Hiện nay, ở Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc đã chế tạo vắc xin dịch tả trâu bò bằng dòng virus (gốc từ châu Phi) nuôi trên môi trường tế bào tổ chức.

b) *Vắc xin dịch tả lợn*. Viện Pasteur Nha-trang vẫn chế vắc xin dịch tả lợn bằng phủ tạng có saponin. Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc, lúc đầu chế vắc xin này bằng dòng virus thỏ hóa, đã tiếp 256 đời trên thỏ, giống gốc lấy từ Weybridge (Anh) với tên là SFA (Swine Fever A). Theo kết quả nghiên cứu thì miễn dịch được quá 4 năm, như thể trong đời sống kinh tế của con lợn chỉ cần tiêm một lần. Những điều cần chú ý trong khi dùng vắc xin này là: đối với lợn nái chữa chỉ tiêm từ ngày thứ 35 sau khi bắt đầu chữa; lợn con đẻ ra được miễn dịch cho đến khi cai sữa; do đó chỉ cần tiêm cho lợn con sau khi cai sữa. Vắc xin gây phản ứng nặng đối với những con gầy yếu, nuôi dưỡng kém, chưa kí sinh trùng, hoặc đã mắc bệnh phó thương hàn. Do đó, không tiêm cho những lợn quá gầy yếu. Còn đối với lợn con sau khi cai sữa thì nên tiêm vắc xin Salmonella trước, rồi mới tiêm vắc xin dịch tả lợn.

Hiện nay, Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc đã chế được vắc xin dịch tả lợn bằng chủng đã thích ứng trên tế bào tổ chức lấy từ Thái-lan (giống đã yếu, kém hiệu lực).

c) *Vắc xin tụ huyết trùng trâu bò*. Viện Pasteur Nha-trang dùng giống từ Iran, cấy trên mặt thạch và diệt bằng focmon. Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc chế vắc xin bằng chủng Pasteurella phân lập ở địa phương; miễn dịch không vượt quá 5 — 6 tháng.

d) *Vắc xin tụ huyết trùng lợn*. Viện Pasteur Nha-trang có công thức chế được vắc xin này tương tự vắc xin tụ huyết trùng trâu bò. Ở Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc thì chế từ chủng Pasteurella multocida typ I (theo Robert).

e) *Vắc xin phó thương hàn lợn*. Những kết quả điều tra cho thấy: 9,6% lợn địa phương chứa Salmonella, nhưng những hiện tượng bệnh lí chỉ phát khi cơ thể bị yếu hoặc nhân dịp tiêm vắc xin dịch tả lợn. Vắc xin Salmonella được chế từ chủng Salmonella choleraesuis diệt bằng focmon và nhiệt. Viện Pasteur Nha-

trang đã chế một vắc xin kết hợp phòng ba bệnh cho lợn: dịch tả lợn, Pasteurella và Salmonella.

g) *Vắc xin Niucatxon*. Chế bằng dòng Dobson truyền qua thai trứng 10 — 11 ngày. Chế vắc xin tươi và vắc xin đông khô dùng nhỏ mũi. Gà con được chủng vào một tuần lễ tuổi và chủng lần thứ hai vào 4 — 5 tháng tuổi. Đối với gà lớn, mỗi năm chủng một lần.

h) *Vắc xin đậu gà*. Dùng dòng Weybridge (Anh) truyền qua thai trứng 11 ngày. Dùng một kim có rãnh để đưa vắc xin vào dưới da cánh, 3—4 ngày sau thành mụn đậu.

Đối với vắc xin gia cầm, Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc đề nghị phương thức chủng như sau:

- Vào một tuần lễ tuổi: vắc xin đậu
- Vào hai tuần lễ sau: vắc xin Niucatxon
- Vào hai tuần lễ sau nữa: vắc xin tụ huyết

trùng

i) *Vắc xin nhiệt thán*. Chế bằng một chủng lấy từ Pháp (đã có trước Cách mạng tháng Tám); vắc xin được chế trong canh thang, không có chất bổ trợ. Vắc xin khí ung thán cũng chế trong canh thang và cũng không cho thêm chất bổ trợ. Vắc xin đại, trước cũng như hiện nay đều phổ biến dùng vắc xin chế từ chủng virus đại cố định qua ngựa già thải; gần đây đã nghiên cứu xong vắc xin chế trên thai trứng từ chủng Fluri.

j) *Về các loại huyết thanh đặc hiệu*. Viện Pasteur Nha-trang tiếp tục chế các huyết thanh dịch tả trâu bò, dịch tả lợn, tụ huyết trùng trâu bò, lợn và gà, khí ung thán, nhiệt thán, đóng dấu, uốn ván.

3. Về hoạt động của các cơ quan thú y và đào tạo nhân viên kĩ thuật.

Về phòng bệnh, theo những báo cáo của Nha Thú y thì đối tượng chính là bệnh dịch tả lợn, Niucatxon gà và dịch tả trâu bò. Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc đã sản xuất 8 loại thuốc đủ để bảo vệ gia súc chống các bệnh này nhưng khó khăn lớn nhất cho công tác phòng dịch là chăn nuôi phân tán trong các gia đình (chăn nuôi gia đình chiếm 95% số lợn), nên việc tiêm thuốc phòng và chống dịch rất khó thực hiện.

Về trị bệnh, còn thiếu những trung tâm định bệnh có đủ phương tiện và khi cần có thể gửi mẫu đến các trung tâm định bệnh thật chuyên về một số loại bệnh nào đó ở nước ngoài. Việc định bệnh do Viện quốc gia Vi trùng và Viện Pasteur Nha-trang đảm nhận.

Về thuốc trị bệnh, các thuốc chế tạo trong nước chưa được kiểm soát chặt chẽ về chất

lượng, việc phân phối chưa tốt nên không đến được kịp thời người tiêu dùng.

Cho đến năm 1972 mới đào tạo được 163 kỹ sư súc khoa.

Từ những nét sơ lược về tình hình trên đây, có thể bước đầu nêu ra một số yêu cầu đối với công tác thú y ở miền Nam nước ta là:

1. Về đàn gia súc, gia cầm mà công tác thú y phải phục vụ.

Miền Nam nước ta nuôi nhiều bò hơn trâu. Nam-bộ có đàn trâu đông nhất, tập trung ở miền tây (An-xuyên, Ba-xuyên, Bạc-liêu, Chương-thiện, Định-tường, Kiến-hòa, Gò-công, Kiến-giang, Kiến-tường, Long-an, Vĩnh-bình, Vĩnh-long). Chỉ một số ít tỉnh ở miền Đông Nam-bộ nuôi tương đối nhiều trâu: Bình-dương, Hậu-ngã, Gia-định, Tây-ninh. Ở miền Trung Trung-bộ, chỉ có Bình-định, Khánh-hòa, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Quảng-tín, Thừa-thiên là nuôi mỗi tỉnh khoảng vài vạn trâu. Số trâu nuôi ở Tây-nguyên không đáng kể.

Những tỉnh nuôi nhiều bò nhất là Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Châu-đốc, Kiến-phong, An-giang. Số bò nuôi ở Tây-nguyên không đáng kể.

Do đó có thể nói công tác thú y đối với trâu phải được chú ý nhiều nhất ở Nam-bộ, nhất là miền Tây là vùng trồng lúa nước và có những điều kiện sinh sống thích hợp cho trâu. Công tác thú y đối với bò quan trọng ở cả Nam-bộ và Trung Trung-bộ. Vùng Tây-nguyên từ trước chưa được khai thác nên đàn trâu và bò còn quá ít so với khả năng chăn nuôi; cần nhìn vào triển vọng phát triển mạnh chăn nuôi gia súc lớn ở vùng này mà đặt yêu cầu về công tác thú y cho đúng mức.

Đàn ngựa ở miền Nam còn quá ít so với khả năng cũng như so với yêu cầu và tập quán của nhân dân, dùng ngựa để vận tải. Theo thống kê một vài tỉnh ở Tây-nguyên và miền Đông Nam-bộ nuôi nhiều ngựa nhất cũng chỉ có từ 1 000 đến 2 000 con mỗi tỉnh. Cũng cần nhìn vào triển vọng phát triển của đàn ngựa, nhất là ở vùng núi mà đặt ra yêu cầu về công tác thú y.

Đối với lợn, Nam-bộ có đàn lợn đông nhất; lợn tập trung nhiều nhất ở một số tỉnh miền Tây Nam-bộ «vựa thóc» của miền Nam như Kiến-hòa, An-xuyên, Kiến-giang, Long-an; ở Trung Trung-bộ, chỉ có mấy tỉnh Bình-định, Quảng-ngãi, Quảng-nam là nuôi tương đối nhiều lợn. Cũng như đối với gia súc lớn, số lợn nuôi ở Tây-nguyên chưa đáng kể.

Do đó, mặc dầu chưa thể nhận định chính xác, nhưng căn cứ vào tình trạng hiện tại và khả năng phát triển, công tác thú y đối với lợn

phải được đẩy mạnh ở tất cả các vùng, nhưng đặc biệt phải được chú trọng ở miền Tây Nam-bộ.

Về gia cầm, một đặc điểm đáng chú ý là đàn vịt ở miền Nam không kém đàn gà là bao nhiêu. Riêng ở miền Tây Nam-bộ, đàn vịt xấp xỉ đàn gà. Những tỉnh ở miền Tây Nam-bộ có trên 1 triệu gà là: Định-tường, An-giang, Kiến-hòa, Kiến-phong, Long-an, Vĩnh-long. Những tỉnh có trên 1 triệu vịt là: Định-tường, Kiến-hòa, Long-an, Vĩnh-bình. Riêng tỉnh Định-tường dẫn đầu toàn Nam-bộ về số lượng gia cầm: khoảng 1,5 triệu gà và gần 2 triệu vịt; tiếp đó, hai tỉnh Kiến-hòa và Long-an đều có mỗi tỉnh khoảng 1 triệu gà và 1 triệu vịt. Trái lại, trong tất cả các tỉnh miền Đông Nam-bộ, Trung Trung-bộ, Tây-nguyên thì chỉ có một tỉnh Quảng-ngãi là có được khoảng 1 triệu gà và một số vịt không đáng kể.

Do đó, công tác thú y đối với gà vịt phải được chú trọng ở khắp các vùng, vì vùng nào cũng có khả năng phát triển, nhưng trước mắt đương nhiên phải đặc biệt chú ý miền tây Nam-bộ vì vùng đó hiện nay là vùng nuôi gà vịt lớn nhất ở miền Nam.

Đối với dê cừu, thì tỉnh Ninh-thuận, do những điều kiện địa lý và do những nguyên nhân khác chưa được xác định, là tỉnh nuôi nhiều dê cừu nhất: tỉnh này nuôi 1/5 số dê của toàn miền Nam và 2/3 số cừu của toàn miền Nam. Hai tỉnh nuôi nhiều dê sau Ninh-thuận là Công-tum và Định-tường. Trong thực tế, một vài bệnh quan trọng của dê, cừu đã được phát hiện từ trước ở nước ta đều đã được nghiên cứu ở Ninh-thuận (bệnh lở mồm truyền nhiễm dê cừu, bệnh viêm kết mạc mắt truyền nhiễm của dê, bệnh đau cừu).

Về tình hình chăn nuôi chó, qua quan sát, chúng tôi thấy toàn miền Nam vùng nào cũng nuôi với nhiều giống khác nhau và đặc biệt ở các thành phố, các thị trấn lại nuôi nhiều hơn. Do đó, thống kê dịch tễ trong mấy chục năm nay, hầu như không một tỉnh, thành phố nào không có bệnh này.

2. Về công tác phòng trừ dịch bệnh.

Đối với trâu bò, hai bệnh hiện đang gây thiệt hại nhiều nhất là bệnh dịch tả trâu bò và bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Bệnh dịch tả trâu bò có khuynh hướng phát triển nhiều hơn ở các tỉnh thuộc Trung-bộ, tỉ lệ số chết so với số ốm tương đối cao (khoảng 25%), mặc dầu các vắc-xin thô hóa, chế tạo trên môi trường tổ chức tế bào đều đã được sử dụng. Bệnh tụ huyết trùng trên bò có khuynh hướng phát triển ở những vùng ẩm của đồng bằng Nam-bộ, số chết so với số ốm có khi đến trên

50%, nếu không tính đến những sai lầm do khai báo và thống kê các ổ dịch thì phải nghĩ đến nguyên nhân là hiệu lực kém của vắc xin phòng bệnh này. Bệnh sốt lở mồm long móng thấy cả ở Trung-bộ và Nam-bộ; trong các ổ dịch, hình như bò mắc bệnh nhiều hơn trâu và lợn; bệnh thường ở thể nhẹ, có thể chữa khỏi, nhưng ảnh hưởng đến thời gian làm việc của súc vật cày kéo. Tuy thống kê có ghi một số trâu bò chết về bệnh này nhưng có lẽ là do những biến chứng của bệnh hơn là do virus gây bệnh. Điều đáng chú ý là những bệnh trâu bò từ trước đã được phát hiện và khá phổ biến ở miền Nam như bệnh viêm màng mũi thối loét (còn gọi là bệnh loét da quần tai), bệnh khí ung thán, bệnh lao, bệnh biến trùng và các bệnh ký sinh trùng trong máu khác, nhưng các tài liệu thống kê đều không nói tới, mặc dầu chắc chắn các bệnh này chưa được giải quyết. Thời gian qua, miền Nam nhập một số bò giống nước ngoài như bò Charolais, Limousine (Pháp) Santa Gertrudis, Hereford, Fersey (Úc, Mĩ), Wagu (Nhật-bản) v.v... nhưng các tài liệu thống kê và báo cáo khoa học đều không nói gì đến những bệnh mà những bò giống nước ngoài có thể đưa vào miền Nam. Ngoài ra, như đã nói trên, việc phát triển chăn nuôi trâu bò ở vùng núi Tây-nguyên chưa tương xứng với khả năng chăn nuôi của vùng này, do đó, vấn đề các ổ dịch tự nhiên ở các vùng mới khai hoang để phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa ở đây sẽ là vấn đề cần chú ý.

Đối với ngựa, một số tài liệu ghi là có bệnh tiên mao trùng và bệnh tị thư, nhưng không nói rõ các bệnh ấy đã được giải quyết thế nào và tình hình hiểu biết về các bệnh đó đã tới đâu.

Về bệnh của lợn, những năm gần đây, cả Trung-bộ và Nam-bộ đã phải sử dụng một lực lượng không nhỏ về cán bộ, thuốc để giải quyết các ổ dịch, nhưng các thống kê dịch bệnh mà chúng tôi thu thập được không có số liệu về bệnh lợn. Chỉ được biết những bệnh phổ biến ở lợn là: dịch tả, tụ huyết trùng, phó thương hàn, đóng dấu, đậu lợn... như ở tất cả các địa phương khác ở nước ta. Do đó, nếu không có những công trình nghiên cứu đầy đủ về bệnh lợn, tìm ra những đặc điểm bệnh lý, những biện pháp phòng trừ thích hợp, chế tạo đủ các loại thuốc có hiệu lực, v.v... thì việc phát triển chăn nuôi lợn cho tương xứng với khả năng dồi dào về lương thực ở đồng bằng Nam-bộ và với diện tích rộng lớn của vùng miền núi Tây-nguyên, chắc chắn sẽ bị trở ngại. Những

tài liệu về chăn nuôi lợn đều ghi là ở miền Nam có các giống lợn địa phương tốt như Thuộc-nhiên, giống Ba-xuyên, giống Ninh-hòa, giống Hòn-chồng và các giống nhập nội như Yorkshire, Berkshire, Landrace, nhưng chưa tìm được tài liệu nghiên cứu về bệnh của các giống lợn nhập nội. Cần nói thêm là đối với lợn, bệnh sốt lở mồm long móng cũng gây thiệt hại lớn; bệnh bruxeloz đã được chuẩn đoán rõ ràng (bằng huyết thanh học); bệnh melioidoz đã được phát hiện. Cũng cần chú ý đến việc thịt lợn mắc các bệnh thương hàn và phó thương hàn có thể làm cho người tiêu thụ bị lây bệnh.

Về bệnh gà cũng không được theo dõi kỹ, chỉ có thể căn cứ vào số vắc xin sản xuất để nhận xét là cả mấy bệnh của gà sau đây đều rất quan trọng ở miền Nam: niucatxon, tụ huyết trùng, đậu gà, bạch li gà và thương hàn gà. Đây là một lĩnh vực công tác thú y cần được đẩy mạnh, nhất là với tương lai của ngành nuôi gà công nghiệp.

Như đã nói trên, Nam-bộ và đặc biệt miền Tây Nam-bộ có đàn vịt rất lớn nhưng chúng tôi chưa tìm được tài liệu nào đã công bố về bệnh của vịt và thuốc phòng trị bệnh vịt, tuy rằng theo kinh nghiệm, vấn đề bệnh truyền nhiễm của vịt nuôi đàn lớn ngày càng trở nên quan trọng (ví dụ: bệnh dịch tả vịt, bệnh giun chỉ của vịt, bệnh sản lá của vịt).

Trên đây là một vài nhận xét sơ lược về những yêu cầu của công tác thú y đối với các loài gia súc, gia cầm phổ biến.

Cần nói thêm là miền Nam có khả năng to lớn về ngư nghiệp. Những công trình nghiên cứu về ngành này từ trước đã có nhiều (Viện Hải dương học, Nha Ngư nghiệp, khoa ngư nghiệp trong Trường-đại học Nông nghiệp), nhưng chúng tôi chưa đủ thì giờ đi sâu vào bệnh lý học của cá và các thủy sản khác.

Bệnh của tôm, bệnh của ong cũng là những vấn đề cần phải tìm hiểu.

Ngoài ra, chúng tôi chỉ thu thập được những tài liệu về các bệnh truyền nhiễm của gia súc, gia cầm, chứ chưa đi được vào các lò sát sinh, các trại chăn nuôi lớn để tìm hiểu về các bệnh ký sinh trùng và các bệnh không truyền nhiễm. Công tác thú y ở miền Nam sau này, với tương lai phát triển chăn nuôi lớn, cần phải được tiến hành trên cả ba mặt: bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng, bệnh không truyền nhiễm.

3. Về các cơ sở nghiên cứu khoa học và sản xuất thuốc thú y

Về công tác sản xuất và sử dụng thuốc thú y, có thể nói miền Nam đã nhập các kỹ thuật

chế thuốc với các giống vi khuẩn và virut, các trang bị thiết bị tương đối hiện đại, và thực tế đã chế được một vài loại vắc xin mới như vắc xin dịch tả trâu bò và dịch tả lợn trên môi trường tế bào tổ chức, thực nghiệm chế vắc xin đại Flung. Trong chiến dịch diệt trừ dịch tả trâu bò bằng thuốc chủng thổ hóa với 10 toán thú i lưu động, đến hết năm 1957 đã tiêm thực nghiệm được 868 037 trâu bò. Nhưng có lẽ vì công tác tiêm phòng và theo dõi kết quả tại các địa phương chưa được chu đáo, nên khó đánh giá được kết quả thực tiễn của các vắc xin này. Những trở ngại cho việc sử dụng vắc xin là: thuốc phòng bệnh tiểu gia súc còn bán lấy tiền, tổ chức bán thuốc chưa rộng khắp, cán bộ thú i nông thôn để tiêm chủng chưa có, những đội phòng dịch chỉ mới làm nhiệm vụ như những « đội cứu hỏa ».

Về công tác nghiên cứu khoa học kĩ thuật thú i, từ trước năm 1960, chúng tôi có thu thập được một số kết quả nghiên cứu về bệnh dại, bệnh leptospiroz, bệnh meloidoz v.v.. còn khoảng 10 năm trước ngày giải phóng, ở Viện Pasteur Nha-trang và Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc Sài-gòn hầu như không có hoạt động nghiên cứu khoa học, trừ một vài thí nghiệm cải tiến chế tạo thuốc. Riêng về Viện Pasteur Nha-trang, chúng tôi nhận xét là nhà cửa và trang thiết bị về cơ bản không khác trước Cách mạng tháng Tám, các qui trình kĩ thuật đều không khác nhiều so với hồi Pháp thuộc. Viện vẫn theo nếp cũ là chế gần đủ các loại huyết thanh, trong khi khuynh hướng chung là sử dụng kháng sinh thay huyết thanh để hạ giá thành điều trị. Viện quốc gia Vi trùng học và bệnh lí gia súc, mặc dầu có một số thiết bị tốt (đồng khô, nuôi cấy tế bào tổ chức) nhưng nói chung qui mô đều quá nhỏ, không thể chế thuốc với khối lượng lớn, giá thành hạ.

Do đó, chúng tôi đề nghị trong thời gian tới cơ sở nghiên cứu khoa học kĩ thuật thú i ở miền Nam nên được xác định nhiệm vụ theo những nội dung như sau:

a. Ở Nam-bộ, ngoài các loại vắc xin cũ, nên sản xuất thêm ba loại vắc xin mới là: lợn đóng dấu II, leptospiroz và dịch tả vịt.

b. Điều tra cơ bản để nắm được chính xác tình hình dịch bệnh của trâu, lợn, gà, vịt nhất là ở Tây Nam-bộ. Về bệnh truyền nhiễm, yêu cầu là phải đi đến những đặc điểm về qui luật bệnh và phải xác định, phân loại được virut và vi khuẩn gây bệnh. Về bệnh kí sinh trùng, cần điều tra toàn diện cả về nội và ngoại kí sinh, nhưng trước mắt là đi vào các loài giun sán.

Cần tập trung để nghiên cứu chế tạo vắc xin chống lở mồm long móng ở trâu, bò và lợn; định được typ virut; xác định được phương pháp kiểm dịch để có thể xuất khẩu súc vật sống và thịt súc vật.

Về các bệnh của lợn như dịch tả lợn, phó thương hàn lợn và các vi trùng đường ruột khác, cần định typ virut và vi khuẩn chế tạo vắc xin, kiểm tra thực phẩm để tránh lây bệnh đường ruột sang người.

Các bệnh của vịt cần được đặc biệt chú trọng cả bệnh truyền nhiễm và kí sinh trùng; ngoài việc sử dụng vắc xin dịch tả vịt, cần đi vào các bệnh của vịt con, các bệnh sán lá của vịt.

Ở Trung Trung-bộ, ngoài những loại vắc xin cũ, đề nghị chế thêm vắc xin leptospiroz và nghiên cứu chế vắc xin sốt lở mồm long móng.

c. Về công tác nghiên cứu khoa học, trước mắt đề nghị tập trung vào mấy đề tài sau đây:

— Tiến hành điều tra cơ bản về dịch bệnh ở Trung-bộ và Tây-nguyên, nhưng chú trọng mấy đối tượng: các bệnh kí sinh trùng đường máu của bò và các côn trùng môi giới truyền bệnh, bệnh sốt lở mồm long móng ở trâu, bò, lợn, các nguồn dịch tự nhiên ở vùng núi (nguồn dịch của bệnh dịch tả trâu bò, dại, v.v.).

— Các bệnh thường phát của bò sữa, nhất là của các giống nhập nội (trước đây người Pháp đã nhập nội giống bò sữa vào vùng Đà-lạt nhưng thất bại vì bệnh kí sinh trùng trong máu và bệnh lao).

— Tiến hành nghiên cứu lại một số bệnh cũ để tìm phương pháp phòng trừ có hiệu lực các bệnh tụ huyết trùng trâu, bò, lợn, ung khí thán, viêm màng mũi, thối loét của bê.

— Nghiên cứu kĩ các bệnh của dê, cừu.